

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 02/6/2025.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi.

2. Ông Lâm Thành Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Âm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2025. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1994 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng S, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 10/02/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Bà và ông Lê Hoàng S kết hôn năm 2014 và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, nhưng thời gian sau bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng bắt đầu từ năm 2024. Nguyên mâu thuẫn là do ông S thường hay cờ bạc dẫn đến nợ nần, từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà và ông S đã ly thân từ năm 2024 đến nay; bà đang ở nhà thuê ở huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên chưa có việc làm ổn định. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S. Về con chung: Bà và

ông S có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Quốc K, sinh ngày 14/9/2015 và cháu Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 15/8/2019, khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi cháu V, ông S nuôi cháu K, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Hoàng S trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Ông thừa nhận là có thường hay cờ bạc dẫn đến nợ nần, từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay ông không đồng ý ly hôn với bà L do ông còn thương vợ thương con, hiện nay ông đã bỏ cờ bạc và đang buôn bán kinh doanh ngó sen kiếm thu nhập khoảng 10.000.000 đồng mỗi tháng. Về con chung: có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Quốc K, sinh ngày 14/9/2015 và cháu Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 15/8/2019, khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L, bà L được ly hôn với ông S; về con chung: không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà L; giao con chung cho ông S trực tiếp nuôi cháu Lê Nguyễn Quốc K, sinh ngày 14/9/2015 và cháu Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 15/8/2019, ghi nhận ông S không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết; tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Hoàng S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông S là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Lê Hoàng S trên cơ sở quen biết nhau trước nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào năm 2015. Xét thấy, hôn nhân của bà L và ông S đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà L và ông S có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong

cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc bà L xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà L cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do ông S thường hay cờ bạc dẫn đến nợ nần, từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà và ông S đã ly thân từ năm 2024 đến nay.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mời bà L và ông S đến Tòa án nhiều lần để tiến hành hòa giải hôn nhân của ông bà nhưng ông bà vẫn không thỏa thuận hàn gắn đoàn tụ được. Hơn nữa, ông S nhiều lần vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: bà L và ông S là vợ chồng nhưng ông bà không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà ông bà lại bỏ mặc nhau, sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay; bà L và ông S không có tình nghĩa vợ chồng do vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là phù hợp.

[3] Về con chung: thời gian sống chung, bà L và ông S có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Quốc K, sinh ngày 14/9/2015 và cháu Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 15/8/2019, hiện nay cả 02 cháu đang sống chung với ông S. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, ông S nuôi cháu K, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con; ông S có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: bà L trình bày hiện nay bà đang ở nhà thuê tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và không có công việc ổn định; ông S hiện nay cũng có công việc làm ổn định, với thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng đảm bảo được điều kiện kinh tế để nuôi con; đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến của con chung chưa thành niên thì cháu K cũng có nguyện vọng được sống chung với ông S. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển tốt về thể chất, sự phát triển tốt về tinh thần và bảo đảm việc học hành cho cháu K và cháu V nên Hội đồng xét xử giao cháu K và cháu V cho ông S được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc ông S không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của ông nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà L và ông S thống nhất trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà L phải chịu do bà L yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc L. Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Lê Hoàng S được ly hôn với nhau.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Quốc K, sinh ngày 14/9/2015 và cháu Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 15/8/2019. Sau khi ly hôn, ông Lê Hoàng S được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, ghi nhận ông S không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà L và ông S thống nhất trình bày là không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007924 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre nên bà không còn phải nộp thêm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng TT, KT và THA TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- UBND xã P, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt